TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA RÌ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Sinh
2. Bà Nông Thị Giáp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Bà Triệu Kim Thuý - Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 2002 (vắng mặt);
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.
Chỗ ở hiện nay: Thôn T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.
2. Bị đơn: Anh Hứa Văn Tuấn A, sinh năm 1998 (vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Na R, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

* Về hôn nhân: Chị X và anh Tuấn A kết hôn trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại uỷ ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào năm 2020. Trong suốt quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ, xích mích với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tuấn A không chăm lo làm ăn, không cùng chị X gánh vác kinh tế trong gia đình mà thường xuyên chơi game, bài bạc dẫn đến nợ nần. Chị X đã nhiều lần phải bán các tài sản của gia đình để trả nợ cho anh Tuấn A. Mặc dù chị X và bố mẹ hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Tuấn A vẫn không thay đổi. Chị X và anh Tuấn A đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay, không còn liên lạc,

quan tâm đến nhau. Nay chị X thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hứa Tuấn Đ, sinh ngày 24/8/2019. Hiện nay con chung đang sống cùng chị X. Ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi con.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, qua xác minh anh Tuấn A không có mặt tại địa phương. Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án cho bị đơn anh Hứa Văn Tuấn A thông qua bố mẹ của anh Tuấn A là ông Hứa Văn H và bà Tô Thị H. Anh Tuấn A đã được bố mẹ thông báo nội dung các thông báo, giấy triệu tập của Toà án. Tuy nhiên, anh Tuấn A đều không đến Toà án làm việc. Toà án đã phối hợp với đại diện thôn N, xã L tiến hành xác minh qua bố mẹ ruột của anh Tuấn A là ông Hứa Văn H, bà Tô Thị H.

Tại biên bản xác minh ngày 14/5/2024 và ngày 26/6/2024, bà H cho biết: Anh Tuấn A liên lạc với bà H bằng điện thoại và nêu ý kiến để chị X làm thủ tục ly hôn đơn phương, giải quyết vắng mặt anh Tuấn A, hiện anh Tuấn A không về được, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; về mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân là do anh Tuấn A mê chơi game dẫn đến nợ nần, gia đình bà H cũng đã nhiều lần trả nợ cho Tuấn A, hiện vợ chồng đã sống ly thân.

Tại biên bản xác minh ngày 03/6/2024, chị Nguyễn Thị S là em gái ruột của chị X cho biết: Vợ chồng chị X, anh Tuấn A nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, to tiếng với nhau. Nguyên nhân là do anh Tuấn A mải chơi game online như tài xỉu, bầu cua tôm cá, … dẫn đến nợ nần, chị X đã nhiều lần trả nợ cho anh Tuấn A, hiện vợ chồng đã sống ly thân được hơn một năm.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Hứa Văn Tuấn A. Giao con chung Hứa Tuấn Đ, sinh ngày 24/8/2019 cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị X không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Hứa Văn Tuấn A. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn anh Hứa Văn Tuấn A cư trú tại thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Hứa Văn Tuấn A đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải.

Do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Hứa Văn Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào năm 2020 theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2020 ngày 01/6/2020. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị X, anh Tuấn A là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc trong mấy tháng đầu. Sau đó vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tuấn A thường xuyên chơi game, bài bạc dẫn đến nợ nần, phá tán các tài sản trong gia đình. Việc chị X và anh Tuấn A ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay, trong suốt quá trình sống ly thân vợ chồng cũng không liên lạc, quan tâm gì đến nhau, không có giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, điều đó chứng minh đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Toà án, anh Tuấn A biết được việc Toà án đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị X nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện anh Tuấn A bỏ mặc, không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hứa Tuấn Đ, sinh ngày 24/8/2019.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị X thấy: Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay con chung vẫn ở cùng chị X, được chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Trong suốt quá trình sống ly thân, anh Tuấn A không hề liên lạc với chị X để hỏi thăm con, cũng không hỗ trợ chi phí nuôi con cho chị X. Vì vậy để

đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị X.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Hứa Văn Tuấn A.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Hứa Tuấn Đ, sinh ngày 24/8/2019 cho chị Nguyễn Thị X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Hứa Văn Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị X đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003525 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- THA dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Bình